

Số: 225/2024/QĐST-DS

Quận 5, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 265/2023/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” ngày 19 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, 2, 3 Tòa nhà G, C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Đào Mạnh K, sinh năm 1969; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ thường trú: Số nhà A, Ngõ F, phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; Ở hiện tại: Lô S, Khu đất 1,3 H, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Lê Trương Trọng T, sinh năm 1973

2. Ông Ngô Trí L, sinh năm 1999

(Giấy ủy quyền số 522/UQ-TGD.24 ngày 14/06/2024).

Ông T và ông L có cùng địa chỉ liên hệ: Số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955

2. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1964

Ông T1 và bà L1 cùng địa chỉ thường trú: Số A H, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1): Ông Đặng Thái H, sinh năm 1974; Địa chỉ thường trú: Số E Đường A, khu nhà ở H, tổ A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền có công chứng số 00007, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/01/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1988
2. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1990
3. Bà Võ Thị Thu H1, sinh năm 1992
4. Bà Lê Nguyên Diệu N, sinh năm 1990
5. Trẻ Nguyễn Vy T3, sinh năm 2017

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Vy T3: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1990 (cha); Bà Lê Nguyên Diệu N, sinh năm 1990 (mẹ).

6. Trẻ Nguyễn Lâm K1, sinh năm 2020

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nguyễn Lâm K1: Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1988 (cha); Bà Võ Thị Thu H1, sinh năm 1992 (mẹ).

Cùng địa chỉ thường trú: Số A H, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị L1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A xác nhận hai bên có ký kết và thực hiện các hợp đồng bao gồm:

Ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị L1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ký kết và thực hiện Hợp đồng cho vay từng lần số 6688/21/TD/I.23 ngày 10/01/2022 và Giấy nhận nợ số 6688/21/TD/I.23-01 ngày 11/01/2022;

Ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị L1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ký kết và thực hiện Hợp đồng thế chấp bất động sản số 6688/21/TC/I.23 ngày 10/01/2022, số công chứng: 000897, Quyền số: 1/2022 TP/CC-SCC/HĐGD công chứng ngày 10/01/2022 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn T1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ký kết và thực hiện Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế A1 VISA (Dành cho Khách hàng cá nhân) số 11033/22/TD/CN/042 ngày 17/11/2022.

2.2. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 xác nhận ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền bao gồm tiền gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 20/8/2024 tổng cộng là: 11.771.349.782 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng), cụ thể:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 6688/21/TD/I.23 ngày 10/01/2022; Giấy nhận nợ số 6688/21/TD/I.23-01 ngày 11/01/2022 tính đến hết ngày

20/8/2024 là: 11.488.312.102 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm tám mươi tám triệu, ba trăm mười hai nghìn, một trăm lẻ hai đồng).

Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế A1 VISA (Dành cho Khách hàng cá nhân) số 11033/22/TD/CN/042 ngày 17/11/2022 tính đến hết ngày 20/8/2024 là: 283.037.680 đồng.

Thời gian và phương thức thanh toán:

Chậm nhất đến hết ngày 21/11/2024 ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tính đến hết ngày 20/8/2024 là: 11.771.349.782 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng).

Đôi bên tự thực hiện việc giao nhận tiền hoặc thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 21/8/2024, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 6688/21/TD/I.23 ngày 10/01/2022; Giấy nhận nợ số 6688/21/TD/I.23-01 ngày 11/01/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế A1 VISA (Dành cho Khách hàng cá nhân) số 11033/22/TD/CN/042 ngày 17/11/2022. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp hết ngày 21/11/2024, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 6688/21/TD/I.23 ngày 10/01/2022; Giấy nhận nợ số 6688/21/TD/I.23-01 ngày 11/01/2022 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 3 BĐĐC P9, địa chỉ tại A H, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc số 535/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/02/2008, cập nhật thay đổi lần cuối ngày 07/11/2022 đứng tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 6688/21/TC/I.23 ngày 10/01/2022, số công chứng: 000897, Quyền số: 1/2022 TP/CC-SCC/HĐGD công chứng ngày 10/01/2022 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

2.4. Trường hợp, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 hoàn thành nghĩa vụ theo thỏa thuận Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có trách nhiệm trả lại bản chính các giấy tờ là: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử

dụng đất ở số hồ sơ gốc số 535/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/02/2008, cập nhật thay đổi lần cuối ngày 07/11/2022 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 6688/21/TC/I.23 ngày 10/01/2022.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Án phí hòa giải thành đối với số tiền 11.771.349.782 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng) là 59.885.675 (Năm mươi chín triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm) đồng. Mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ tiền án phí hòa giải thành là 29.942.838 (Hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi tám) đồng.

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 chịu án phí 29.942.838 (Hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi tám) đồng. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí Tòa án nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vậy, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 được miễn nộp án phí sơ thẩm hòa giải thành số tiền là 29.942.838 (Hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi tám) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.942.838 (Hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi tám) đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cùng thỏa thuận thống nhất việc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 tự nguyện chịu thay Ngân hàng Thương mại Cổ phần A án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 29.942.838 (Hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi tám) đồng. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 59.237.044 (Năm mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi bốn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0011031 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Và ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 phải thực hiện việc đóng tiền án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 29.942.838 (Hai mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi tám) đồng tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (Mười triệu) đồng, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thống nhất ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 tự nguyện chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã tạm ứng chi phí này nên ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị L1 tự nguyện hoàn lại cho Ngân hàng

Thương mại Cổ phần A. Đôi bên cùng thống nhất tự thực hiện hoặc thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa